TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2019/DS-ST
Ngày: 19/9/2019
V/v tranh chấp thừa kế
quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thế Xương
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Lê Thị Luyến
2. Bà Huỳnh Thị Sang

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Phượng Tường – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Hoa - Kiểm sát V.

Ngày 19 tháng 9 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2017/TLST-DS ngày 13 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 197/2019/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

- Ông Đào Minh S, sinh năm 1955

Địa chỉ: số 113, ấp A, xã A1, huyện B, tỉnh Bến Tre
Hiện trú tại: xxxx Dorchester Averue Dorcherstur, Maccachusetts 02122, Hoa Kỳ
Người đại diện theo ủy quyền của ông S: Bà Nguyễn Thụy Hồng Th, sinh năm 1991 (Văn bản ủy quyền ngày 27/11/2017) (có mặt)
Địa chỉ: 07A, ấp K, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre

- Ông Đào Thẩm Ng, sinh năm 1958

Địa chỉ: số 113, ấp A, xã A1, huyện B, tỉnh Bến Tre

- Bà Đào Kim Ph, sinh năm 1962

Địa chỉ: ấp An Th, xã An Th, huyện T, tỉnh Bến Tre

- Ông Đào Thành B, sinh năm 1965

Địa chỉ: ấp An L, xã A1, huyện B, tỉnh Bến Tre

- Ông Đào Xuân L, sinh năm 1969

Địa chỉ: 80/6K, khóm Mỹ Hòa x, phường T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh

- Ông Đào Thanh D, sinh năm 1964

Địa chỉ: 525/AĐx, xã An N, huyện B, tỉnh Bến Tre

Người đại diện theo ủy quyền của các ông, bà Ng, Ph, B, L, D:

Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1993 (Văn bản ủy quyền ngày 22/12/2017) (có mặt)

Địa chỉ: 27/A1, đường T, khu phố x, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- Ông Đào Thanh Đ, sinh năm 1971

Địa chỉ: xxxx Dorchester Averue Dorcherstur, Maccachusetts 02122

Hiện trú tại: xxxx Dorchester Averue Dorcherstur, Maccachusetts 02122, Hoa Kỳ

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1993 (Văn bản ủy quyền ngày 27/11/2017) (có mặt)

Địa chỉ: 27/A1, đường T, khu phố x, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn:

- Bà Đào Thiện N, sinh năm 1957

Địa chỉ: ấp V, xã Vang Quới Đ, huyện B1, tỉnh Bến Tre

(Bà N có văn bản yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt ngày 26/6/2019)

- Bà Đào Hoa Hồng Đ, sinh năm 1973

Địa chỉ: ấp A, xã A1, huyện B, tỉnh Bến Tre

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đ: Ông Võ Trần D, sinh năm 1992

Địa chỉ: ấp Hưng Nghĩa x, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre (Văn bản ủy quyền ngày 26/8/2019) (có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1934

Địa chỉ: 113, ấp A, xã A1, huyện B, tỉnh Bến Tre

Hiện trú tại: xxxx Dorchester Averue Dorcherstur, Maccachusetts 02122, Hoa Kỳ

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1993 (Văn bản ủy quyền ngày 27/11/2017) (có mặt)

Địa chỉ: 27/A1, đường T, khu phố x, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 31 tháng 5 năm 2017, trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm ông Nguyễn Thanh T là đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn Đào Thẩm Ng, Đào Kim Ph, Đào Thành B, Đào Xuân L, Đào Thanh Đ, Đào Thanh D trình bày:

Ông Đào Xuân V và bà Nguyễn Thị Kim T có tất cả 09 người con là các ông bà: Đào Minh S, Đào Thẩm Ng, Đào Kim Ph, Đào Thành B, Đào Xuân L, Đào Thanh Đ, Đào Thanh D, Đào Thiện N, Đào Hoa Hồng Đ. Năm 2015, ông V mất (chết) không để lại di chúc. Tài sản chung của ông V và bà T là diện tích đất 231m^2 thuộc thửa 556, tờ bản đồ số 21, tọa lạc tại xã A1, huyện B, tỉnh Bến Tre, đây là phần đất do ông V và bà T tự tạo lập. Nay các nguyên đơn yêu cầu chia di sản thừa kế diện tích đất 115,5 m^2 thuộc một phần thửa 556, tờ bản đồ số 21, tọa lạc tại xã A1, huyện B, tỉnh Bến Tre cho hàng thừa kế thứ nhất của ông Đào Xuân Vgồm các ông, bà S, Ng, Ph, B, L, Điền, D, N, Đ và bà Kim T. Qua đo đạc thực tế phần di sản này có diện tích là 116,35 m^2, do chênh lệch diện tích quá nhỏ (0,85m^2) nên các nguyên đơn không yêu cầu khởi kiện bổ sung đối với diện tích tăng thêm, yêu cầu Tòa án giải quyết theo pháp luật. Các nguyên đơn yêu cầu giải quyết cho ông S nhận di sản bằng hiện vật và hoàn trả giá trị cho các đồng thừa kế còn lại. Nếu ông S không được xem xét cho nhận bằng hiện vật thì các nguyên đơn đồng ý giao phần hiện vật cho bà Ph quản lý.

Về căn nhà xây dựng trên đất: căn nhà này được xây dựng năm 1997, trước đây ông V, bà T có căn nhà cấp 4 cũ, ông V, bà T đã thống nhất đập bỏ nhà cấp 4 để ông S xây dựng nhà mới. Khi ông S gửi tiền về xây dựng nhà có thỏa thuận miệng với ông V, bà T và tất cả các anh, chị còn lại là nhà này là nhà tổ, dùng để thờ cúng ông, bà, cha, mẹ. Khi ông V, bà T mất thì nhà này do ông S quản lí và toàn quyền quyết định, các anh, chị, em còn lại không được yêu cầu chia thừa kế đối với căn nhà vì toàn bộ chi phí xây dựng nhà là do ông S gửi về. Trước yêu cầu của bà Đ về việc chia thừa kế ½ căn nhà, đồng thời giao nhà và đất cho bà Đ thì các nguyên đơn không đồng ý.

Các nguyên đơn đồng ý với kết quả đo đạc và kết quả định giá của Hội đồng định giá.

Bà Nguyễn Thụy Hồng Th là người đại diện theo ủy quyền của ông Đào Minh S trình bày: thống nhất với lời trình bày của ông Tâm.

Ông Nguyễn Thanh T là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim T trình bày:

Bà T xác định di sản của ông V là ½ diện tích đất thuộc thửa 556, tờ bản đồ số 21, tọa lạc tại xã A1, huyện B, tỉnh Bến Tre. Riêng căn nhà tọa lạc trên đất là tài sản của ông S. Toàn bộ số tiền xây nhà là do ông S gửi về, khi đó ông S có thỏa thuận miệng với bà, ông V và các anh, chị, em trong gia đình là căn nhà này là nhà tổ, dùng để thờ cúng ông, bà, cha, mẹ. Khi ông V, bà T mất thì sẽ giao cho ông S toàn quyền quyết định, các người con khác không được yêu cầu chia di sản thừa kế. Việc trước đây bà có yêu cầu Ủy ban xác nhận nhà và đất là tài sản chung của vợ chồng

bà là không đúng sự thật. Do tuổi cao, mắt nhìn kém nên bà không rõ nội dung văn bản bà Đ đã đưa bà ký tên. Khi biết được việc này, bà đã lập văn bản hủy bỏ di chúc. Nay bà thống nhất chia di sản thừa kế theo yêu cầu của các nguyên đơn, đồng ý giao hiện vật cho ông S quản lí. Căn nhà xây trên đất là tài sản của ông S, bà không tranh chấp.

Bà T đồng ý với kết quả đo đạc và kết quả định giá của Hội đồng định giá.

Trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Đào Hoa Hồng Đ là ông Võ Trần D trình bày:

Bà Đ thống nhất di sản của ông V là ½ diện tích đất thuộc thửa 556. Diện tích các nguyên đơn khởi kiện là 115.5m^2, qua đo đạc thực tế là 116,35m^2, bà chỉ yêu cầu chia thừa kế diện tích 115.5m^2.

Về căn nhà trên đất, đây là tài sản chung của ông V và bà T. Căn nhà này được xây dựng trên nền nhà cũ, tiền xây nhà là do ông Đào Minh S gửi về và một phần là do các anh, chị, em của bà đóng góp để cho cha mẹ bà xây dựng nhà tổ, cũng là nơi cha mẹ bà an hưởng tuổi già. Lúc đó, bà T và các anh chị em trong nhà của bà không ai đồng ý xây dựng nhà mới nhưng thuận theo ý của ông V nên đồng ý xây dựng. Phần lớn chi phí xây nhà là do ông S gửi về nhưng ông S đã tặng cho cha mẹ nên căn nhà này là tài sản chung của cha mẹ bà. Việc bà T lập di chúc và đơn yêu cầu Ủy ban xác nhận nhà và đất là tài sản chung là hoàn toàn tự nguyện. Thời điểm đó bà T còn minh mẫn, có giấy khám sức khỏe để chứng minh. Khi anh em bất hòa, ông S đã đưa bà T sang Mỹ sống nên những lời trình bày sau này của bà T là do ông S ép buộc.

Nay bà Đ yêu cầu chia di sản thừa kế là 115,5m^2 đất và ½ căn nhà trên đất. Trước đây, bà có nhà ở tọa lạc tại xã A1 (B – Bến Tre) nhưng do bà Ph hứa hẹn lo cho hai đứa con của bà đi học và có hộ khẩu tại Thành phố Hồ Chí Minh nên bà đã làm thủ tục chuyển nhượng căn nhà này cho bà Ph, thực tế bà không nhận tiền chuyển nhượng như hợp đồng đã ghi. Nay bà Ph không giữ đúng lời hứa nên bà và hai người con nhỏ không có nơi ở. Do vậy, bà yêu cầu được nhận nhà và đất, đồng ý hoàn lại phần giá trị cho các đồng thừa kế khác.

Bà Đ đồng ý với kết quả đo đạc và kết quả định giá của Hội đồng định giá.

Trong quá tình tố tụng và tại văn bản trình bày ý kiến, yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt ngày 26/6/2019 bị đơn bà Đào Thiện N trình bày:

Bà xác định nhà và đất thuộc thửa 556 là tài sản chung của ông V, bà T. Hiện nay, bà T còn sống, vì muốn bà T an hưởng tuổi già nên bà không muốn các anh, chị ,em tranh chấp di sản. Trường hợp các anh, chị, em không thỏa thuận được và Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bà đồng ý giao nhà, đất cho bà Đ quản lí, sử dụng và bà Đ sẽ trả lại cho các đồng thừa kế phần giá trị tương đương

vì hiện nay bà Đ không có nhà để ở, các con của bà Đ phải ở nhờ nhà của bà. Bà N đồng ý với kết quả đo đạc và kết quả định giá của Hội đồng định giá.

Quan điểm của kiểm sát viên: Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn về tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất, bác yêu cầu phản tố của bị đơn bà Đào Hoa Hồng Đ về việc yêu cầu chia di sản thừa kế là ½ căn nhà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về thừa kế tài sản, có nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ở nước ngoài. Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự thì tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Bị đơn bà Đào Thiện N có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án giải quyết vắng mặt theo quy định khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1] Ông Đào Xuân V mất (chết) năm 2015, không để lại di chúc. Hàng thừa kế thứ nhất của ông V bao gồm các ông, bà: Nguyễn Thị Kim T (vợ), Đào Minh S, Đào Thẩm Ng, Đào Kim Ph, Đào Thành B, Đào Xuân L, Đào Thanh Đ, Đào Thanh D, Đào Thiện N, Đào Hoa Hồng Đ (các con). Như vậy, phần di sản của ông V sẽ chia thành 10 kỷ phần.

[2] Các nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thống nhất diện tích 115.5 m^2 thuộc một phần thửa 556, tờ bản đồ số 21 (nay thuộc một phần thửa 179, tờ bản đồ số 32), tọa lạc tại xã A1, huyện B, tỉnh Bến Tre là di sản của ông Đào Xuân V. Qua đo đạc thực tế phần này có diện tích 116,35m^2. Các nguyên đơn không đồng ý khởi kiện bổ sung, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu giải quyết đối với diện tích tăng thêm nên Tòa án chỉ xem xét giải quyết đối với phần diện tích 115,5m^2. Do diện tích đất nhỏ, không thể phân chia bằng hiện vật nên mỗi kỷ phần thừa kế tính bằng giá trị là (115,5 x 3.000.000 đồng) : 10 = 34.650.000 đồng.

[3] Về căn nhà được xây dựng trên thửa đất 556 (179): Các bên đều thống nhất căn nhà này được xây dựng năm 1997, ông Đào Minh S có gửi tiền về xây dựng. Ông S cho rằng gửi tiền về để cha mẹ xây dựng nhà thờ tổ, thờ cúng ông, bà, cha, mẹ và sau này sẽ ở trên nhà này. Bà Nguyễn Thị Kim T cũng xác định căn nhà là tài sản

riêng của ông S. Tuy nhiên, lời xác nhận của bà T là không đủ cơ sở. Bởi lẽ, trước đó bà T đã yêu cầu Ủy ban nhân dân xã A1 xác định nhà và đất thuộc thửa 556 (179) là tài sản chung của bà và ông V. Việc bà cho rằng, do tuổi cao, mắt mờ nên bị bà Đ lừa dối ký xác nhận để lập di chúc là không có căn cứ. Bởi lẽ, giấy khám sức khỏe của bà tại thời Đ lập di chúc có kết quả là sức khỏe bình thường, đủ điều kiện để lập di chúc. Bên cạnh đó, các bên chỉ thống nhất ông S gửi tiền về xây nhà. Ông S không có chứng cứ chứng minh đây là nhà xây nhà riêng cho ông S và ông S cũng thừa nhận xây nhà làm nơi thờ cúng ông, bà, cha, mẹ. Khi xây dựng xong ông V, bà T trực tiếp quản lí, sử dụng nhà này. Đồng thời, đây là tài sản hình thành trong thời kỳ hôn nhân của ông V và bà T. Vì vậy, có cơ sở xác định căn nhà là tài sản chung của ông V, bà T. Do đó, ½ căn nhà là di sản của ông V. Do căn nhà không thể chia từng phần bằng hiện vật nên tính giá trị mỗi kỷ phần là: 1.142.021.000 đồng : 2 : 10 = 57.101.050 đồng (làm tròn thành 57.101.000 đồng).

[4] Xét yêu cầu được nhận di sản bằng hiện vật của bà Đ: Qua chứng cứ bà Đ cung cấp thể hiện hiện nay bà Đ không có nhà để ở nên yêu cầu được nhận di sản bằng hiện vật. Bà Đ cho rằng, do bà Ph hứa hẹn lo cho cho hai người con của bà đi học và có hộ khẩu tại Thành phố Hồ Chí minh nên đã làm thủ tục chuyển nhượng nhà cho bà Ph, thực tế bà không nhận tiền chuyển nhượng như hợp đồng đã ghi. Tuy nhiên, bà Đ không có chứng cứ chứng minh việc bà chuyển nhượng nhà cho bà Ph là có điều kiện. Căn cứ vào hồ sơ vụ án thì trong thời gian Tòa án thụ lí, giải quyết vụ án, bà Đ đã chuyển nhượng nhà ở duy nhất tọa lạc tại xã A1, huyện B cho bà Ph, dẫn đến việc hiện nay bà không có nhà ở. Mặt khác, phần thừa kế của bà Đ chỉ chiếm tỷ lệ 1/20 trên tổng thể tài sản nhà và đất (trong đó có ½ là tài sản riêng của bà T). Do vậy, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu được nhận di sản bằng hiện vật của bà Đ.

[5] Về yêu cầu được nhận di sản bằng hiện vật của ông S, bà Ph: Nhận thấy, ông S là người nước ngoài nên không đủ điều kiện đứng tên quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở Việt Nam. Đồng thời, kỷ phần được hưởng của ông S, bà Ph chỉ chiếm phần nhỏ trong tổng thể tài sản. Mặc khác, ngoài kỷ phần được hưởng, bà T còn có quyền quản lí, sử dụng ½ tài sản trong khối tài sản chung của ông V và bà T (tức là ½ căn nhà và đất). Vì diện tích nhà đất không đủ diện tích tối thiểu để tách thửa và căn nhà xây dựng trên hầu hết diện tích đất nên không thể tách riêng phần di sản và phần tài sản riêng của bà T thành hai thửa đất độc lập. Do vậy, việc bà T nhận di sản bằng hiện vật và có nghĩa vụ trả lại cho các kỷ phần thừa kế khác bằng giá trị là hợp lí. Tuy nhiên, hiện nay bà T sống ở nước ngoài nên giao toàn bộ nhà, đất cho bà Ph quản lí. Khi bà T về nước, bà Ph có trách nhiệm giao căn nhà và đất lại cho bà T quản lí, sử dụng. Đối với phần diện tích tăng thêm trong di sản của ông V (phần 0.85m^2), các bên không tranh chấp nên Tòa án không xem xét.

Như vậy, bà T có nghĩa vụ hoàn trả cho mỗi đồng thừa kế phần giá trị là: 34.650.000 đồng (giá trị đất) + 57.101.000 đồng (giá trị nhà) = 91.751.000 đồng.

[6] Chi phí thu thập chứng cứ là: 2.737.000 đồng nguyên đơn ông Đào Minh S đã nộp. Mỗi kỷ phần thừa kế có nghĩa vụ hoàn trả cho ông S số tiền 273.700 đồng.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 91.751.000 đồng x 5% = 4.587.500 đồng, mỗi kỷ phần thừa kế có nghĩa vụ nộp. Do bà T, ông S, ông Ng, bà N là người cao tuổi nên không phải nộp theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 5 Điều 26, điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Điều 623, Điều 650 và Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn Đào Minh S, Đào Thẩm Ng, Đào Kim Ph, Đào Thành B, Đào Xuân L, Đào Thanh Đ, Đào Thanh D về việc chia thừa kế theo pháp luật phần di sản của ông Đào Xuân Vlà diện tích đất 115,5m^2 thuộc một phần thửa 556, tờ bản đồ số 21 (nay thuộc một phần thửa 179, tờ bản đồ số 32), tọa lạc tại xã A1, huyện B, tỉnh Bến Tre.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Đào Hoa Hồng Đ về việc yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật phần di sản của ông Đào Xuân Vlà ½ căn nhà thuộc một phần thửa 556, tờ bản đồ số 21 (nay thuộc một phần thửa 179, tờ bản đồ số 32), tọa lạc tại xã A1, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Đào Hoa Hồng Đ về việc nhận nhà, đất bằng hiện vật.

3. Bà Nguyễn Thị Kim T được quyền sử dụng phần di sản của ông Đào Xuân Vlà diện tích 115,5m^2 thuộc một phần thửa đất 556, tờ bản đồ số 21 (nay thuộc một phần thửa 179, tờ bản đồ số 32), tọa lạc tại xã A1, huyện B, tỉnh Bến Tre và sở hữu ½ căn nhà tọa lạc trên đất. Bà Nguyễn Thị Kim T có nghĩa vụ hoàn trả cho mỗi ông, bà Đào Minh S, Đào Thẩm Ng, Đào Kim Ph, Đào Thành B, Đào Xuân L, Đào Thanh Đ, Đào Thanh D, Đào Hoa Hồng Đ, Đào Thiện N số tiền: 91.751.000 (Chín mươi mốt triệu bảy trăm năm mươi mốt nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong cho tất cả khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số

tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Do bà Nguyễn Thị Kim T đang ở nước ngoài nên giao diện tích 115,5m^2 đất thuộc một phần thửa 556, tờ bản đồ số 21 (nay thuộc một phần thửa 179, tờ bản đồ số 32), tọa lạc tại xã A1, huyện B, tỉnh Bến Tre và ½ căn nhà tọa lạc trên đất cho bà Đào Kim Ph quản lí và có trách nhiệm giao lại khi bà Nguyễn Thị Kim T trở về Việt Nam sinh sống.

Phần di sản của ông Đào Xuân Vcòn lại 0,85m^2, ghi nhận các bên không có tranh chấp. Giao cho bà Nguyễn Thị Kim T sử dụng.

4. Chi phí tố tụng: 2.737.000 đồng, ông Đào Minh S đã nộp. Các ông bà Đào Thanh Đ, Đào Thanh D, Đào Xuân L, Đào Thành B, Đào Kim Ph, Đào Thẩm Ng, Đào Thiện N, Đào Hoa Hồng Đ, Nguyễn Thị Kim T, mỗi người có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Đào Minh S số tiền 273.700đ (Hai trăm bảy mươi ba nghìn bảy trăm đồng).

5. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: 91.751.000 đồng x 5% = 4.587.500 (Bốn triệu năm trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm) đồng, mỗi kỷ phần thừa kế phải chịu.

Ông Đào Minh S, Đào Thẩm Ng được miễn án phí sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Đào Minh S, Đào Thẩm Ng mỗi người số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng lần lượt theo biên lai thu số 0002667, 0002668 ngày 12/7/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre.

Các ông, bà Đào Thanh Đ, Đào Thanh D, Đào Xuân L, Đào Thành B, Đào Kim Ph mỗi người phải nộp án phí sơ thẩm là 4.587.500 (Bốn triệu năm trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng lần lượt theo biên lai thu số 0002669, 0002670, 0002671, 0002672, 0002673 ngày 12/7/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre. Các ông, bà Đào Thanh Đ, Đào Thanh D, Đào Xuân L, Đào Thành B, Đào Kim Ph mỗi người phải nộp số tiền 4.287.500 (Bốn triệu hai trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm) đồng.

Bà Đào Hoa Hồng Đ phải nộp án phí sơ thẩm là 4.587.500 (Bốn triệu năm trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 1.500.000 (Một triệu năm trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0006786 ngày 23/4/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre. Bà Đào Hoa Hồng Đ phải nộp số tiền 3.087.500 (Bệu không trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm) đồng.

Bà Nguyễn Thị Kim T, bà Đào Thiện N được miễn án phí sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các

điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bà Đào Thiện N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thế Xương